

Số: 29/22/CBTT-DBT

TP. Bến Tre, ngày 22 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2022**

---

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TP HCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Ông Nguyễn Khắc Hanh.
7. Loại thông tin công bố: định kỳ
8. Nội dung của thông tin công bố:
  - a. Báo cáo tài chính Hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2022 của Công Ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được lập ngày 22/08/2022 gồm: BCĐKT Hợp nhất, BCKQKD Hợp nhất, BCLCTT Hợp nhất, Thuyết minh BCTC Hợp nhất.
  - b. Lợi nhuận sau thuế đã soát xét 6 tháng đầu năm 2022 là 28.529.890.159 đồng, tăng 25.667.866.043 đồng, tương đương mức tăng 897% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận trên báo cáo KQKD Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2022 tăng cao đến từ việc công ty con là Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty mẹ cũng cải thiện đáng kể so với cùng kỳ nhờ vào việc thay đổi cơ cấu doanh thu, tập trung vào kinh doanh những mặt hàng có hiệu quả cao.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**NGUYỄN KHẮC HANH**

## **Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

---

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNDKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN ban hành bởi HOSE vào ngày 4 tháng 8 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 23, phòng 2303, Tòa nhà VP Viwaseen, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cánh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
- Số 725, Đường Yên Ninh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Hanh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2022
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022
Bà Đậu Thị Thúy Mai	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên	
Ông Hoàng Xuân An	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022
Ông Trần Huy Chương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022

### ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy Ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trần Gia Bảo	Chủ tịch	
Bà Đậu Thị Thúy Mai	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2022
Ông Trần Huy Chương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2022

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Hanh	từ ngày 31 tháng 3 năm 2022
Ông Lê Văn Minh	đến ngày 31 tháng 3 năm 2022
Ông Phạm Thứ Triệu	

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61607262/66708862-HN/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 22 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



---

Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>610.659.442.066</b>	<b>613.423.111.892</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>5</b>	<b>8.252.805.342</b>	<b>18.962.837.445</b>
111	1. Tiền		8.252.805.342	18.962.837.445
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>11.336.375.222</b>	<b>11.190.035.616</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.336.375.222	11.190.035.616
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>184.839.355.666</b>	<b>169.566.058.896</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	151.955.776.530	127.670.244.140
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	5.388.450.879	2.194.398.581
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	28.583.185.887	40.530.564.993
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(1.088.057.630)	(829.148.818)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>391.956.307.375</b>	<b>401.281.209.530</b>
141	1. Hàng tồn kho		401.892.027.641	410.291.779.155
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9.935.720.266)	(9.010.569.625)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.274.598.461</b>	<b>12.422.970.405</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	948.344.991	768.598.841
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	13.326.253.470	11.654.371.564



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>166.799.669.493</b>	<b>173.568.685.370</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>2.502.314.348</b>	<b>2.476.235.711</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	2.502.314.348	2.476.235.711
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>65.497.893.976</b>	<b>54.499.239.698</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	56.222.423.327	50.136.549.548
222	Nguyên giá		128.210.530.822	120.615.753.568
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(71.988.107.495)	(70.479.204.020)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	5.085.079.308	92.727.273
225	Nguyên giá		5.442.630.051	92.727.273
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(357.550.743)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	4.190.391.341	4.269.962.877
228	Nguyên giá		6.360.480.457	6.360.480.457
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.170.089.116)	(2.090.517.580)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
231	1. Nguyên giá		52.826.363	52.826.363
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(52.826.363)	(52.826.363)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.890.364.840</b>	<b>5.079.318.618</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	2.890.364.840	5.079.318.618
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>16</b>	<b>53.349.227.323</b>	<b>54.412.647.178</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		53.349.227.323	54.412.647.178
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>42.559.869.006</b>	<b>57.101.244.165</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	35.865.256.068	50.946.193.369
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	5.298.651.474	4.594.858.574
269	3. Lợi thế thương mại	17	1.395.961.464	1.560.192.222
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>777.459.111.559</b>	<b>786.991.797.262</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>561.588.500.565</b>	<b>587.435.154.059</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>545.919.251.413</b>	<b>568.540.681.308</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	137.403.947.983	180.266.231.815
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	2.433.946.976	854.401.925
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	2.723.797.168	4.457.643.795
314	4. Phải trả người lao động		14.212.498.016	9.930.517.730
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	2.722.158.202	5.561.075.677
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		263.393.939	203.636.364
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	1.709.048.682	783.351.838
320	8. Vay ngắn hạn	23	383.100.482.728	365.514.433.900
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.349.977.719	969.388.264
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>15.669.249.152</b>	<b>18.894.472.751</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	1.039.595.644	1.082.651.200
338	2. Vay dài hạn	23	14.629.653.508	17.811.821.551
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>215.870.610.994</b>	<b>199.556.643.203</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24.1</b>	<b>215.820.610.994</b>	<b>199.506.643.203</b>
411	1. Vốn cổ phần		142.051.160.000	142.051.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		142.051.160.000	142.051.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		523.056.160	523.056.160
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.447.285.590)	(495.717.677)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		9.354.804.815	9.354.804.815
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.536.822.093	2.536.822.093
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		56.207.537.662	37.187.353.277
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		29.775.593.651	25.351.157.008
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		26.431.944.011	11.836.196.269
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		6.594.515.854	8.349.164.535
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
431	1. Nguồn kinh phí		50.000.000	50.000.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>777.459.111.559</b>	<b>786.991.797.262</b>



Nguyễn Thùy Dung  
Người lập



Nguyễn Việt Sơn  
Kế toán trưởng



  
Phạm Thử Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	318.783.563.522	312.210.704.140
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(556.008.913)	(10.512.628.470)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	318.227.554.609	301.698.075.670
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(223.362.064.192)	(220.268.963.258)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		94.865.490.417	81.429.112.412
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	3.557.532.887	24.306.463.347
22	7. Chi phí tài chính	27	(11.879.351.655)	(12.696.109.472)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(11.543.834.320)	(12.082.703.685)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	16	2.847.013.058	2.370.610.587
25	9. Chi phí bán hàng	28	(63.337.703.063)	(69.981.886.622)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(21.494.539.710)	(21.043.977.547)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.558.441.934	4.384.212.705
31	12. Thu nhập khác	29	31.592.129.450	123.237.367
32	13. Chi phí khác		(76.751.440)	(9.571.777)
40	14. Lợi nhuận khác		31.515.378.010	113.665.590
50	15. Lợi nhuận kế toán trước thuế		36.073.819.944	4.497.878.295
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(8.247.722.685)	(2.546.817.731)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	703.792.900	910.963.552
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		28.529.890.159	2.862.024.116
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		26.431.944.011	3.815.508.055
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.097.946.148	(953.483.939)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.4	1.825	256
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.4	1.825	256



Nguyễn Thùy Dung  
Người lập



Nguyễn Việt Sơn  
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>36.073.819.944</b>	<b>4.497.878.295</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12,13, 14, 17	3.402.294.909	4.575.716.755
03	Các khoản dự phòng		1.184.059.453	7.055.430.043
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(568.702.140)	(1.473.280.091)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(34.897.738.283)	(22.945.504.674)
06	Chi phí lãi vay	27	11.543.834.320	12.082.703.685
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>16.737.568.203</b>	<b>3.792.944.013</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(17.886.092.349)	39.999.456.676
10	Giảm hàng tồn kho		8.399.751.514	15.267.437.530
11	Giảm các khoản phải trả		(39.122.968.468)	(55.343.123.170)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		14.901.191.151	(8.648.370.052)
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.537.930.119)	(12.306.171.543)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(9.396.022.765)	(6.006.675.782)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(308.800.000)	(1.148.640.357)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(38.213.302.833)</b>	<b>(24.393.142.685)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.047.584.675)	(3.332.746.591)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		31.532.953.685	18.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(146.339.606)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	34.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.339.500.000)	(2.048.930.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		-	42.447.238.942
27	Tiền thu lãi tiền gửi		105.551.084	847.890.542
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>13.105.080.488</b>	<b>71.931.452.893</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	23	341.799.476.405	313.721.803.526
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(327.395.595.620)	(352.248.495.415)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(9.930.829.449)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>14.403.880.785</b>	<b>(48.457.521.338)</b>
<b>50</b>	<b>Giảm tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(10.704.341.560)</b>	<b>(919.211.130)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>18.962.837.445</b>	<b>31.642.636.528</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.690.543)	(8.858.256)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>8.252.805.342</b>	<b>30.714.567.142</b>

Nguyễn Thùy Dung  
Người lập

Nguyễn Việt Sơn  
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNDKKD”) số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNDKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN do HOSE ban hành vào ngày 4 tháng 8 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) là mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 23, phòng 2303, Tòa nhà VP Viwaseen, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cánh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
- Số 725, Đường Yên Ninh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 591 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 603).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	92,17	92,17
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	23,14	23,14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng mua đang đi đường và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang                    | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Trong đó, hàng hóa có thời hạn sử dụng dưới 3 tháng có phần giá trị dự kiến bị tổn thất bằng giá gốc.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	35 - 50 năm
Phần mềm máy tính	2 - 5 năm
Khác	4 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, hàng hóa, cháy nổ,...

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng và thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 6 tháng. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

#### 3.13 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.14 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

**3.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. MUA THÊM CỔ PHẦN VÀO CÔNG TY CON HIỆN HỮU - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI (“DYB”)**

Vào ngày 28 tháng 3 năm 2022, Nhóm Công ty đã mua thêm 5,02% cổ phần DYB với tổng giá phí là 8.254.785.000 VND, theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu từ 85,9% lên 90,92% vào ngày này. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 5.405.033.795 VND được ghi giảm vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty đã mua thêm 1,25% cổ phần DYB với tổng giá phí là 2.043.580.000 VND, theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu từ 90,92% lên 92,17% vào ngày này. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 1.940.489.927 VND được ghi giảm vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ.

**5. TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền gửi ngân hàng	5.269.537.592	13.784.759.491
Tiền mặt	2.983.267.750	5.178.077.954
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.252.805.342</b>	<b>18.962.837.445</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (**)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.336.375.222	3.336.375.222	3.190.035.616	3.190.035.616
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.336.375.222</b>	<b>11.336.375.222</b>	<b>11.190.035.616</b>	<b>11.190.035.616</b>

(\*\*) Đây là 50.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm và 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Toàn bộ khoản trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 23.1).

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4,6%/năm. Một khoản tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Phú Nhuận đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23.1).

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	151.899.932.280	127.500.471.992
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	55.844.250	169.772.148
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>151.955.776.530</b>	<b>127.670.244.140</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.088.057.630)	(829.148.818)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>150.867.718.900</b>	<b>126.841.095.322</b>

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 23.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	829.148.818	2.137.710.553
Dự phòng trích lập trong kỳ	565.146.812	1.542.161.296
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(306.238.000)	(1.013.731.127)
Giảm dự phòng từ thanh lý công ty con	-	(747.892.385)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.088.057.630</b>	<b>1.918.248.337</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Quảng cáo CMS	2.472.336.000	-
Công ty TNHH cơ khí dược Tuấn Thắng	780.937.200	-
Công ty TNHH thiết bị New Diamond	599.011.200	-
PK Benelux BV	-	1.146.410.781
Khác	1.536.166.479	1.047.987.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.388.450.879</b>	<b>2.194.398.581</b>

**9. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>28.583.185.887</b>	<b>40.530.564.993</b>
Tạm ứng cho nhân viên	24.416.786.175	36.625.519.116
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.229.977.490	2.750.330.058
Các khoản chi hộ	699.857.866	431.554.866
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	819.573.000	703.160.953
Lãi trái phiếu và tiền gửi	412.220.456	-
Khác	4.770.900	20.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>2.502.314.348</b>	<b>2.476.235.711</b>
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	1.140.000.000
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	928.154.868	705.276.231
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	230.000.000	230.000.000
Khác	204.159.480	400.959.480
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.085.500.235</b>	<b>43.006.800.704</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa (*)	377.680.365.493	(9.203.033.334)	353.842.165.013	(9.010.569.625)
Nguyên liệu, vật liệu	11.351.005.958	-	6.569.941.181	-
Chi phí sản xuất	-	-	-	-
kinh doanh dở dang	5.278.527.201	-	2.606.347.424	-
Thành phẩm	7.582.128.989	(732.686.932)	3.914.343.024	-
Hàng đang đi	-	-	43.358.982.513	-
trên đường	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>401.892.027.641</b>	<b>(9.935.720.266)</b>	<b>410.291.779.155</b>	<b>(9.010.569.625)</b>

(\*) Hàng tồn kho (dược phẩm các loại) đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 23.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	9.010.569.625	4.973.446.562
Dự phòng trích lập trong kỳ	10.894.580.008	10.188.052.526
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(9.969.429.367)	(3.661.052.652)
Số cuối kỳ	<u>9.935.720.266</u>	<u>11.500.446.436</u>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>948.344.991</b>	<b>768.598.841</b>
Chi phí mua bảo hiểm	332.139.571	161.498.939
Chi phí thuê	261.650.400	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	259.167.355	420.134.285
Khác	95.387.665	186.965.617
<b>Dài hạn</b>	<b>35.865.256.068</b>	<b>50.946.193.369</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	29.476.199.284	44.477.329.995
Chi phí hợp tác kinh doanh (**)	3.817.096.643	4.156.930.162
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.417.319.620	1.082.538.955
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà kho	420.043.775	446.789.297
Khác	734.596.746	782.604.960
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.813.601.059</u></b>	<b><u>51.714.792.210</u></b>

(\*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (*Thuyết minh số 23.1*).

(\*\*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo ngày 6 tháng 11 năm 2017 nhằm phục vụ các hoạt động kinh doanh chính. Chi phí này được Nhóm Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	57.919.328.854	43.165.349.724	14.825.839.792	4.705.235.198	120.615.753.568
Mua trong kỳ	5.754.619.675	-	12.046.000	2.119.970.000	7.886.635.675
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.927.585.666	214.979.821	-	-	2.142.565.487
Thanh lý trong kỳ	(1.592.835.544)	(280.382.000)	(561.206.364)	-	(2.434.423.908)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>64.008.698.651</u>	<u>43.099.947.545</u>	<u>14.276.679.428</u>	<u>6.825.205.198</u>	<u>128.210.530.822</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	6.714.087.689	8.213.457.174	4.249.225.884	1.541.165.823	20.717.936.570
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(22.913.840.673)	(36.951.920.622)	(7.956.531.009)	(2.656.911.716)	(70.479.204.020)
Khấu hao trong kỳ	(886.670.286)	(938.111.846)	(592.209.722)	(383.950.018)	(2.800.941.872)
Thanh lý trong kỳ	980.478.265	280.382.000	31.178.132	-	1.292.038.397
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>(22.820.032.694)</u>	<u>(37.609.650.468)</u>	<u>(8.517.562.599)</u>	<u>(3.040.861.734)</u>	<u>(71.988.107.495)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>35.005.488.181</u>	<u>6.213.429.102</u>	<u>6.869.308.783</u>	<u>2.048.323.482</u>	<u>50.136.549.548</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>41.188.665.957</u>	<u>5.490.297.077</u>	<u>7.758.936.829</u>	<u>1.784.523.464</u>	<u>56.222.423.327</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 23.1 và 23.3)	3.043.401.617	-	3.313.534.277	-	6.356.935.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Nhãn hiệu hàng hóa</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>4.302.988.457</u>	<u>1.742.992.000</u>	<u>314.500.000</u>	<u>6.360.480.457</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.444.952.000	-	1.444.952.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(477.715.637)	(1.570.868.615)	(41.933.328)	(2.090.517.580)
Hao mòn trong kỳ	<u>(19.644.846)</u>	<u>(44.201.692)</u>	<u>(15.724.998)</u>	<u>(79.571.536)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>(497.360.483)</u>	<u>(1.615.070.307)</u>	<u>(57.658.326)</u>	<u>(2.170.089.116)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>3.825.272.820</u>	<u>172.123.385</u>	<u>272.566.672</u>	<u>4.269.962.877</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>3.805.627.974</u>	<u>127.921.693</u>	<u>256.841.674</u>	<u>4.190.391.341</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản cầm cố, thế chấp</i> <i>(Thuyết minh số 23.1 và số 23.3)</i>	3.520.797.726	-	-	3.520.797.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	92.727.273	-	92.727.273
Mua trong kỳ	-	5.349.902.778	5.349.902.778
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	92.727.273	5.349.902.778	5.442.630.051
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	23.181.819	334.368.924	357.550.743
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	23.181.819	334.368.924	357.550.743
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	92.727.273	-	92.727.273
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	69.545.454	5.015.533.854	5.085.079.308

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phần mềm quản trị ERP	2.373.943.611	-
Sửa chữa nhà kho	516.421.229	5.079.318.618
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.890.364.840</b>	<b>5.079.318.618</b>

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Codupha”), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0300483319 ngày 2 tháng 1 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính đã đăng ký của Codupha là kinh doanh dược phẩm (tân dược, đông dược), dụng cụ y tế thông thường, vắc xin, sinh phẩm y tế; bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty sở hữu 23,14% vốn cổ phần của Codupha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày như sau:

VND

Công ty Cổ phần Dược phẩm  
Trung ương Codupha

**Giá gốc đầu tư:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	48.108.225.000
--	----------------

**Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	6.304.422.178
Phần lãi từ công ty liên kết trong kỳ	2.847.013.058
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(951.567.913)
Cổ tức	(2.958.865.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	5.241.002.323

**Giá trị còn lại**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	54.412.647.178
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	53.349.227.323

Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha với giá trị 32.632.000.000 VND được sử dụng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận (*Thuyết minh số 22.1*).

**17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

VND

Công ty Cổ phần  
Dược phẩm Yên Bái

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	3.284.615.191
--	---------------

**Giá trị phân bổ lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(1.724.422.969)
Phân bổ trong kỳ	(164.230.758)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	(1.888.653.727)

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.560.192.222
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.395.961.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH Raptakos Brett	51.724.844.933	55.135.716.808
Gedeon Richter Plc	33.191.257.661	76.580.005.794
Công ty cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	9.002.237.588	10.973.981.698
Công ty cổ phần thương mại Dược liệu Sơn Tùng	4.804.732.728	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế TP. Hồ Chí Minh (YTECO)	3.058.620.000	-
Khác	35.622.255.073	37.576.527.515
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.403.947.983</b>	<b>180.266.231.815</b>

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Quầy thuốc Vương Thị Thùy Dung	1.000.000.000	-
Đình Thị Long	300.000.000	-
Khác	1.133.946.976	854.401.925
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.433.946.976</b>	<b>854.401.925</b>

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.252.536.732	8.247.722.685	(9.396.022.765)	2.104.236.652
Thuế thu nhập cá nhân	766.147.098	2.013.776.754	(2.240.201.037)	539.722.815
Thuế GTGT hàng bán nội địa	438.959.965	217.827.568.151	(218.186.690.415)	79.837.701
Thuế khác	-	735.428.408	(735.428.408)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.457.643.795</b>	<b>228.824.495.998</b>	<b>(230.558.342.625)</b>	<b>2.723.797.168</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế GTGT	11.654.371.564	202.043.820.788	(200.371.938.882)	13.326.253.470



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.709.048.682</b>	<b>783.351.838</b>
Bảo hiểm xã hội	734.175.493	-
Cổ tức phải trả	429.488.150	429.488.150
Kinh phí công đoàn	269.930.021	341.601.688
Khác	275.455.018	12.262.000
<b>Dài hạn</b>	<b>1.039.595.644</b>	<b>1.082.651.200</b>
Ký quỹ đã nhận	1.039.595.644	1.082.651.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.748.644.326</u></b>	<b><u>1.866.003.038</u></b>

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí chương trình quà tặng khuyến mãi	1.709.554.509	4.516.631.189
Thưởng, lương tháng 13	365.922.419	-
Lãi vay	288.548.965	282.644.764
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	154.999.998	255.600.000
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	143.391.095	164.799.724
Khác	59.741.216	341.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.722.158.202</u></b>	<b><u>5.561.075.677</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND				
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>365.514.433.900</b>	<b>328.328.174.671</b>	<b>(314.960.144.785)</b>	<b>4.218.018.942</b>	<b>383.100.482.728</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	359.941.902.723	328.328.174.671	(310.253.244.419)	-	378.016.832.975
Vay các bên khác (Thuyết minh số 22.2)	87.436.637	-	-	-	87.436.637
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3)	5.452.640.000	-	(4.531.820.000)	3.089.820.000	4.010.640.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 22.4)	32.454.540	-	(175.080.366)	1.128.198.942	985.573.116
<b>Vay dài hạn</b>	<b>17.811.821.551</b>	<b>13.471.301.734</b>	<b>(12.435.450.835)</b>	<b>(4.218.018.942)</b>	<b>14.629.653.508</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.3)	17.779.367.000	8.111.583.618	(10.888.207.028)	(3.089.820.000)	11.912.923.590
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 22.4)	32.454.551	5.359.718.116	(1.547.243.807)	(1.128.198.942)	2.716.729.918
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>383.326.255.451</b>	<b>341.799.476.405</b>	<b>(327.395.595.620)</b>	<b>-</b>	<b>397.730.136.236</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	--------------------------------------	-----------------------	---------------------	-------------------

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre**

Khoản vay 1	268.301.873.700	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2022 đến ngày 28 tháng 3 năm 2023	5.5 - 5.6	80.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành; 3.485.470 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược Yên Bái phát hành; Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Hàng tồn kho dược phẩm các loại; Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê tại thửa đất số 13, số 85, số 77, số 80, số 81 tỉnh Bến Tre và các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo.
-------------	-----------------	--	-----------	---

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận**

Khoản vay 1	49.711.509.944	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2022 đến ngày 28 tháng 3 năm 2023	5,6	Hợp đồng tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 64, 91/21A đường CMT8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 480/2010/TĐ.BĐ, Thôn Hòa Nghê, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 06 Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
-------------	----------------	--	-----	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>				
Khoản vay 1	29.923.702.780	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2022 đến ngày 11 tháng 2 năm 2023	5.5 - 5.6	Tín chấp
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái</b>				
Khoản vay 1	25.142.580.203	Từ ngày 13 tháng 07 năm 2022 đến ngày 23 tháng 01 năm 2023	6.5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Bến Tre</b>				
Khoản vay 1	4.937.166.348	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2022 đến ngày 27 tháng 7 năm 2022	6,5	Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5, 179 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Thành phố Bến Tre
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>378.016.832.975</u></b>			

**23.2 Vay ngắn hạn các bên khác**

Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre; từ nhân viên và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Nhóm Công ty. Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**23.3 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Lãi suất (%/ năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<b><i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái</i></b>					
Khoản vay 1	2.094.000.000	Ngày 9 tháng 12 năm 2027	Thanh toán quyền sử dụng đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc	7,8	Quyền sử dụng đất thuê 50 năm và các tài sản gắn liền với đất
<b><i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái</i></b>					
Khoản vay 1	2.383.240.917	Ngày 12 tháng 12 năm 2026	Thanh toán tiền thuê đất	7,5	Quyền sử dụng đất thuê 50 năm và các tài sản gắn liền với đất
Khoản vay 2	1.130.552.055	Ngày 12 tháng 12 năm 2026	Thanh toán tiền thuê đất	7,5	Quyền sử dụng đất thuê 50 năm và các tài sản gắn liền với đất
Khoản vay 3	1.351.000.000	Ngày 12 tháng 12 năm 2026	Thanh toán tiền thuê đất	7,5	Quyền sử dụng đất thuê 50 năm và các tài sản gắn liền với đất
<b><i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre</i></b>					
Khoản vay 1	4.619.187.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2024	Thanh toán tiền thuê đất	6,9	Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5, 179 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, thành phố Bến Tre

## Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 23. VAY (tiếp theo)

#### 23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre</b>					
Khoản vay 1	49.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	11,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Khoản vay 2	194.000.000	Ngày 18 tháng 11 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	11,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Khoản vay 3	2.469.543.618	Ngày 25 tháng 6 năm 2024	Sửa chữa nhà kho	8,0	Tài sản hình thành từ vốn vay
Khoản vay 4	1.001.000.000	Ngày 25 tháng 4 năm 2025	Lắp đặt phần mềm quản lý doanh nghiệp	8,0	Thửa đất 13, tờ bản đồ số 5, Đường Đồng Khởi, Phường 2, Thành phố Bến Tre
Khoản vay 5	632.040.000	Ngày 25 tháng 10 năm 2025	Lắp đặt phần mềm quản lý doanh nghiệp	8,0	Thửa đất 13, tờ bản đồ số 5, Đường Đồng Khởi, Phường 2, Thành phố Bến Tre
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.923.563.590</b>				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	4.010.640.000				
Vay dài hạn	11.912.923.590				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Các khoản thuê tài chính

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021			VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	
<b>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>							
Từ 1 năm trở xuống	988.818.576	3.245.460	985.573.116	32.454.540	-	32.454.540	
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>							
Từ 1-5 năm	3.116.031.660	399.301.743	2.716.729.918	32.454.551	-	32.454.551	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.104.850.236</b>	<b>402.547.203</b>	<b>3.702.303.034</b>	<b>64.909.091</b>	<b>-</b>	<b>64.909.091</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	VND							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>								
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	135.288.140.000	433.056.160	895.826.918	9.354.804.815	2.536.822.093	42.615.082.389 (6.763.020.000)	56.051.619.205	247.175.351.580
Tăng vốn	6.763.020.000	-	-	-	-	(6.763.020.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	3.815.508.055	(953.483.939)	2.862.024.116
Ảnh hưởng của việc thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	(44.482.354.425)	(44.482.354.425)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.943.581.200)	-	(9.943.581.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(724.593.600)	(124.827.202)	(849.420.802)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(905.885.070)	(8.844.930)	(914.730.000)
Mua thêm lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	-	139.839.205	(2.188.769.205)	(2.048.930.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(470.381.272)	-	-	-	-	(470.381.272)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ở công ty liên kết	-	-	-	-	-	(1.273.150.034)	-	(1.273.150.034)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>142.051.160.000</u>	<u>433.056.160</u>	<u>425.445.646</u>	<u>9.354.804.815</u>	<u>2.536.822.093</u>	<u>26.960.199.745</u>	<u>8.293.339.504</u>	<u>190.054.827.963</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

	VND							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>								
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	142.051.160.000	523.056.160	(495.717.677)	9.354.804.815	2.536.822.093	37.187.353.277	8.349.164.535	199.506.643.203
Lợi nhuận thuần trong kỳ		-	-	-	-	26.431.944.011	2.097.946.148	28.529.890.159
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(689.389.455)	-	(689.389.455)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị		-	-	-	-	(265.805.660)	(10.794.340)	(276.600.000)
Mua thêm lợi ích trong công ty con (Thuyết minh số 4)	-	-	-	-	-	(6.456.564.511)	(3.841.800.489)	(10.298.365.000)
Điều chỉnh trong tài sản thuần của công ty liên kết	-	-	(951.567.913)	-	-	-	-	(951.567.913)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>142.051.160.000</u>	<u>523.056.160</u>	<u>(1.447.285.590)</u>	<u>9.354.804.815</u>	<u>2.536.822.093</u>	<u>56.207.537.662</u>	<u>6.594.515.854</u>	<u>215.820.610.994</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**24.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	142.051.160.000	135.288.140.000
Vốn tăng trong kỳ	-	6.763.020.000
Số cuối kỳ	<b><u>142.051.160.000</u></b>	<b><u>142.051.160.000</u></b>

**24.3 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>(cổ phiếu)</i>	<i>(cổ phiếu)</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	14.205.116	14.205.116
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	14.205.116	14.205.116
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.205.116</i>	<i>14.205.116</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	14.205.116	14.205.116
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.205.116</i>	<i>14.205.116</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**24.4 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		<i>VND</i>
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	26.431.944.011	3.815.508.055
<i>Trừ:</i> Quỹ khen thưởng và phúc lợi	<u>(506.080.214)</u>	<u>(176.140.256)</u>
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	25.925.863.797	3.639.367.799
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	14.205.116	14.205.116
Lãi cơ bản trên cổ phiếu ( <i>VND/cổ phiếu</i> )	<b>1.825</b>	<b>256</b>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu ( <i>VND/cổ phiếu</i> )	<b>1.825</b>	<b>256</b>

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận giữ lại của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5 tháng 6 năm 2022.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>318.783.563.522</b>	<b>312.210.704.140</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	291.963.320.482	295.652.126.147
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	26.273.199.094	15.934.831.571
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	547.043.946	623.746.422
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(556.008.913)</b>	<b>(10.512.628.470)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(552.848.913)	(7.027.047.561)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(3.160.000)	(3.468.201.266)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	(17.379.643)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>318.227.554.609</b>	<b>301.698.075.670</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng hóa</i>	291.428.085.860	285.613.694.910
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng</i>	26.252.424.803	15.460.634.338
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	547.043.946	623.746.422
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần đối với các bên khác</i>	318.012.723.169	301.479.081.210
<i>Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	214.831.440	218.994.460

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.039.761.347	3.608.759.462
Lãi tiền gửi	517.771.540	1.605.513.688
Lãi từ thanh lý công ty con	-	18.951.380.399
Chiết khấu thanh toán	-	140.809.798
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.557.532.887</b>	<b>24.306.463.347</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Giá vốn hàng hóa	200.151.741.432	196.356.828.084
Giá vốn thành phẩm	23.062.187.618	23.814.978.029
Giá vốn cung cấp dịch vụ	41,841,600	97,157,145
Khác	106.293.542	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>223.362.064.192</u></b>	<b><u>220.268.963.258</u></b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Chi phí lãi vay	11.543.834.320	12.082.703.685
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	335.517.335	320.889.280
Chiết khấu thanh toán	-	292.516.507
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.879.351.655</u></b>	<b><u>12.696.109.472</u></b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>63.337.703.063</b>	<b>69.981.886.622</b>
Chi phí nhân viên	50.333.520.919	41.842.452.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.056.287.637	7.543.389.853
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.323.142.192	1.044.815.109
Chi phí vận chuyển	274.000.000	-
Chi phí khuyến mãi	-	17.028.662.301
Khác	2.350.752.315	2.522.567.039
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>21.494.539.710</b>	<b>21.043.977.547</b>
Chi phí nhân viên	12.495.328.798	11.807.780.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.630.585.270	5.154.034.127
Chi phí quản lý vật tư và vật tư văn phòng	2.811.429.195	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	910.262.543	727.646.528
Dự phòng phải thu khó đòi	374.198.642	676.557.097
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	164.230.758	307.873.442
Khác	2.108.504.504	2.370.085.980
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>84.832.242.773</u></b>	<b><u>91.025.864.169</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THU NHẬP KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thanh lý tài sản cố định	31.532.953.685	18.000.000
Khác	59.175.765	105.237.367
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.592.129.450</u></b>	<b><u>123.237.367</u></b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí hàng hóa	199.007.868.327	204.964.470.971
Chi phí nhân viên	69.697.424.690	62.314.038.880
Chi phí khuyến mãi	-	17.028.662.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.867.404.600	15.493.421.969
Chi phí nguyên vật liệu	18.157.783.878	13.156.241.952
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.402.294.909	4.575.716.755
Chi phí khác	5.054.532.468	5.166.408.550
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>308.187.308.872</u></b>	<b><u>322.698.961.378</u></b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	8.266.268.140	2.546.817.731
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa những kỳ trước	(18.545.458)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b><u>8.247.722.682</u></b>	<b><u>2.546.817.731</u></b>
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(703.792.900)	(910.963.552)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.543.929.785</u></b>	<b><u>1.635.854.179</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>36.073.819.944</b>	<b>4.497.878.295</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	7.214.763.989	899.575.659
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	318.586.157	731.605.107
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ chuyển sang các năm sau	666.725.940	863.209.570
Phân bổ lợi thế thương mại	32.846.152	61.574.688
Lãi từ thanh lý công ty con	-	(445.988.728)
Lãi trong công ty liên kết	22.370.388	(474.122.117)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những kỳ trước	(18.545.458)	-
Lợi nhuận từ cổ tức	(591.773.000)	-
Khác	(101.044.385)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>7.543.929.785</b>	<b>1.635.854.179</b>

**31.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ hiện hành và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>					
Chi phí lãi vay	4.514.263.829	4.002.612.052	511.651.777	1.008.223.590	
Dư phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	709.261.936	
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.081.443.183	326.471.517	754.971.666	(344.002.327)	
Chi phí trích trước	466.363.785	1.097.161.032	(630.797.250)	(477.867.734)	
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>					
Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng	(763.419.323)	(831.386.027)	67.966.704	15.348.087	
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>5.298.651.474</b>	<b>4.594.858.574</b>			
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</b>			<b>703.792.900</b>	<b>910.963.552</b>	

**31.4 Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 3.333.629.717 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể sử dụng đến	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ		Chưa chuyển lỗ tại ngày		VND
			đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Không được chuyển lỗ	lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022		
2020	2025	1.380.587.822 (*)	-	-	1.380.587.822		
2021	2026	5.278.872.358 (*)	-	-	5.278.872.358		
2022	2027	3.333.629.717 (*)	-	-	3.333.629.717		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9.993.089.897</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.993.089.897</b>		

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Nguyễn Khắc Hanh	Chủ tịch HĐQT
Phạm Thứ Triệu	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc
Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên HĐQT
Trần Huy Chương	Thành viên HĐQT
Bùi Hồng Hạnh	Vợ Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa Cổ tức	214.831.440 2.958.865.000	218.994.460 -

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	55.844.250	169.772.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán Nội bộ và Ban Tổng Giám đốc:*

Tên	Chức vụ	VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	276.790.000	627.780.000
Bà Đậu Thị Thúy Mai	Phó Chủ tịch	-	90.000.000
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	-	105.000.000
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	607.780.000	567.780.000
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	503.038.142	307.117.416
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	-	344.790.000
Bà Trần Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	-	183.156.000
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	-	147.690.000
Ông Nguyễn Khắc Hạnh	Thành viên	439.320.000	135.000.000
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên	30.000.000	-
Ông Trần Huy Chương	Thành viên	30.000.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	-	135.000.000
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	-	15.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.886.928.142</b>	<b>2.658.313.416</b>

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

**33. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	5.299.383.969	15.044.864.169
Từ 1 – 5 năm	16.921.463.402	72.860.707.874
Trên 5 năm	27.248.186.616	34.286.546.616
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.469.033.987</b>	<b>122.192.118.659</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

***Cam kết thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	745.360.000	1.150.909.091
Từ 1 - 5 năm	-	1.849.110.909
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>745.360.000</b>	<b>3.000.020.000</b>

**34. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngoại tệ		
USD	66.338	49.262
EUR	17.265	17.265

**35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thùy Dung  
Người lập



Nguyễn Viết Sơn  
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2022